Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8506.60.10

Mã HS	8506.60.10
Mô tả hàng hóa	Pin và bộ pin / - Bằng kẽm-khí: / - - Có thể tích ngoài không quá 300 cm3
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 04:14:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85066010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15083
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15083
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15083
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	22.5	22,5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14381
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14322
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14322
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14322
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14322
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14322
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14322
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14376
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14376
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14376
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14376
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14376
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	VJ!E14377
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F14377
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14377
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14377
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14377
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14377
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14380
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14328
AIFTA	30/12/2022	2022	24	AI!F14336
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	23	AI!G14336
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	23	AI!H14336
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	22.5	AI!I14336
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	22.5	AI!J14336
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	22.5	AI!K14336
VKFTA	2022	2022	5	VK!E14367
VKFTA	2023	2023	5	VK!F14367
VKFTA	2024	2024	5	VK!G14367
VKFTA	2025	2025	5	VK!H14367
VKFTA	2026	2026	5	VK!I14367
VKFTA	2027	2027	5	VK!J14367
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14422
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14422
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14422
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14422
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14422
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14399
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14399
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14399
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14399
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14399
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14399
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D14399
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E14399
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F14399
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G14399
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H14399
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I14399
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14414
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14414
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14414
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14414
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14414
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14414
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14413
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14413
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14413
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14413

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14413
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14413
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14406
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14406
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14406
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14406
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14406
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14406
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14406
RCEP A	2022	2022	18,7	RCEPT-A!D14401
RCEP A	2023	2023	17,3	RCEPT-A!E14401
RCEP A	2024	2024	16	RCEPT-A!F14401
RCEP A	2025	2025	14,7	RCEPT-A!G14401
RCEP A	2026	2026	13,3	RCEPT-A!H14401
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I14401
RCEP B	2022	2022	18,7	B!D14401
RCEP B	2023	2023	17,3	B!E14401
RCEP B	2024	2024	16	B!F14401
RCEP B	2025	2025	14,7	B!G14401
RCEP B	2026	2026	13,3	B!H14401
RCEP B	2027	2027	12	B!I14401
RCEP C	2022	2022	20	C!D14401
RCEP C	2023	2023	20	C!E14401
RCEP C	2024	2024	20	C!F14401
RCEP C	2025	2025	20	C!G14401
RCEP C	2026	2026	20	C!H14401

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	20	C!I14401
RCEP D	2022	2022	20	D!D14400
RCEP D	2023	2023	20	D!E14400
RCEP D	2024	2024	20	D!F14400
RCEP D	2025	2025	20	D!G14400
RCEP D	2026	2026	20	D!H14400
RCEP D	2027	2027	20	D!I14400
RCEP E	2022	2022	20	E!D14404
RCEP E	2023	2023	20	E!E14404
RCEP E	2024	2024	20	E!F14404
RCEP E	2025	2025	20	E!G14404
RCEP E	2026	2026	20	E!H14404
RCEP E	2027	2027	20	E!I14404
RCEP F	2022	2022	18,7	F!D14401
RCEP F	2023	2023	17,3	F!E14401
RCEP F	2024	2024	16	F!F14401
RCEP F	2025	2025	14,7	F!G14401
RCEP F	2026	2026	13,3	F!H14401
RCEP F	2027	2027	12	F!I14401
VIFTA	2024	2024	17,1	VI!F13397
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G13397
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H13397
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I13397

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, AIFTA 22,5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8506.60 có 2 dòng thuế; dòng 8506.60.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Có thể tích ngoài không quá 300 cm3.	8506.60.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8506.60.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8506.60.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15083), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.